

**Phụ lục 01**  
**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Bay)*

| TT         | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                         | Kết quả | Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá | Phòng, đơn vị thực hiện |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|-------------------------|
| <b>A</b>   | <b>Giai đoạn 2026 - 2027</b>                                                                                                                                                                                                     |         |                                                      |                         |
| <b>I</b>   | <b>Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động</b>                                                                                                                                                             |         |                                                      |                         |
| <b>I.1</b> | <b>Cung cấp dịch vụ số</b>                                                                                                                                                                                                       |         |                                                      |                         |
| 1          | Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.                                                                                                                                                      | 100%    | Trung tâm phục vụ Hành chính công xã                 | Các phòng, đơn vị       |
| 2          | Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.                                                               | 100%    | Trung tâm phục vụ Hành chính công xã                 | Các phòng, đơn vị       |
| 3          | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ. | 100%    | Trung tâm phục vụ Hành chính công xã                 | Các phòng, đơn vị       |
| 4          | Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.                                                                                                                                             | 95%     | Trung tâm phục vụ Hành chính công xã                 | Các phòng, đơn vị       |
| <b>I.2</b> | <b>Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu</b>                                                                                                                                                 |         |                                                      |                         |
| 1          | Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các                                                                                              | 100%    | Phòng Văn hoá - Xã hội                               | Các phòng, đơn vị       |

| TT        | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                           | Kết quả | Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá | Phòng, đơn vị thực hiện |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|-------------------------|
|           | bộ, ngành trung ương triển khai đến cấp tỉnh, cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn xã.                                                                           |         |                                                      |                         |
| 2         | Tỷ lệ hồ sơ công việc của xã được xử lý trên môi trường điện tử ( <i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i> ) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc. | 100%    | Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã    | Các phòng, đơn vị       |
| 3         | Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.                                                                                                      | 100%    | Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã    | Các phòng, đơn vị       |
| 4         | Tỷ lệ nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho xã được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.                                          | 100%    | Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã    | Các phòng, đơn vị       |
| 5         | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.                                                                                                                 | 100%    | Phòng Văn hoá - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| 6         | Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.                                                | 50%     | Phòng Văn hoá - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| <b>II</b> | <b>Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế</b>                                                                                       |         |                                                      |                         |
| 1         | Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực                                                                                                                                     | 10%     | Phòng Kinh tế xã                                     | Các phòng, đơn vị       |
| 2         | Tỷ lệ Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu                                                                                                                                   | 5%      | Phòng Kinh tế xã                                     | Các phòng, đơn vị       |
| 3         | Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt                                                                                                                              | 50%     | Phòng Kinh tế xã                                     | Các phòng, đơn vị       |
| 4         | Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.                                                                                                                       | 20%     | Phòng Kinh tế xã                                     | Các phòng, đơn vị       |

| TT         | Chỉ tiêu                                                                                                | Kết quả | Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá | Phòng, đơn vị thực hiện |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|-------------------------|
| <b>III</b> | <b>Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số</b>                                                     |         |                                                      |                         |
| 1          | Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác. | 50%     | Phòng Kinh tế xã                                     | Các phòng, đơn vị       |
| 2          | Tỷ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn xã có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.                     | 30%     | Phòng Kinh tế xã                                     | Các phòng, đơn vị       |
| 3          | Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.                                                 | 50%     | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| 4          | Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.                    | 50%     | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| 5          | Tỷ lệ Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng dân số;                                                        | 85%     | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| 6          | Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã                                                                      | 60%.    | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| 7          | Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.                                                     | 50%     | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| 8          | Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.                | 85%     | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| <b>B</b>   | <b>Giai đoạn 2028 - 2030</b>                                                                            |         |                                                      |                         |
| <b>I</b>   | <b>Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động</b>                                    |         |                                                      |                         |
| <b>I.1</b> | <b>Cung cấp dịch vụ số</b>                                                                              |         |                                                      |                         |
| 1          | Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.                    | 99%     | Trung tâm phục vụ Hành chính công xã                 | Các phòng, đơn vị       |
| 2          | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu              | 100%    | Trung tâm phục vụ Hành chính công xã                 | Các phòng, đơn vị       |

| TT         | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                             | Kết quả | Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá | Phòng, đơn vị thực hiện |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|-------------------------|
|            | tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.                                                          |         |                                                      |                         |
| 3          | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời. | 50%     | Trung tâm phục vụ Hành chính công xã                 | Các phòng, đơn vị       |
| 4          | Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.                                                                                                                      | 100%    | Trung tâm phục vụ Hành chính công xã                 | Các phòng, đơn vị       |
| 5          | Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.                                                   | 100%    | Trung tâm phục vụ Hành chính công xã                 | Các phòng, đơn vị       |
| <b>I.2</b> | <b>Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu</b>                                                                                                     |         |                                                      |                         |
| 1          | Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.                                                                                                  | 100%    | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| 2          | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.            | 100%    | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| 3          | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.                                                                   | 100%    | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                            | Các phòng, đơn vị       |
| 4          | Tỷ lệ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.                                                                             | 100%    | Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã    | Các phòng, đơn vị       |

| <b>TT</b>  | <b>Chỉ tiêu</b>                                                                                                                                                                                                                      | <b>Kết quả</b> | <b>Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá</b> | <b>Phòng, đơn vị thực hiện</b> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 5          | Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.                                                                                                                                         | 100%           | Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã           | Các phòng, đơn vị              |
| 6          | Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.                                                                                                                 | 100%           | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                                   | Các phòng, đơn vị              |
| 7          | Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số trên địa bàn xã phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ. | 100%           | Công an xã                                                  | Các phòng, đơn vị              |
| 8          | Tỷ lệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.                                                                                                             | 100%           | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                                   | Các phòng, đơn vị              |
| <b>II</b>  | <b>Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế</b>                                                                                                                                     |                |                                                             |                                |
| 1          | Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực                                                                                                                                                                                       | 20%            | Phòng Kinh tế xã                                            | Các phòng, đơn vị              |
| 2          | Tỷ lệ Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu                                                                                                                                                                                     | 8%             | Phòng Kinh tế xã                                            | Các phòng, đơn vị              |
| 3          | Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt                                                                                                                                                                                | 70%            | Phòng Kinh tế xã                                            | Các phòng, đơn vị              |
| 4          | Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.                                                                                                                                                                         | 50%            | Phòng Kinh tế xã                                            | Các phòng, đơn vị              |
| <b>III</b> | <b>Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số</b>                                                                                                                                                                                  |                |                                                             |                                |

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>                                                                                         | <b>Kết quả</b> | <b>Phòng, đơn vị chủ trì triển khai,<br/>theo dõi, đánh giá</b> | <b>Phòng, đơn vị<br/>thực hiện</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1         | Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác. | 80%            | Phòng Kinh tế xã                                                | Các phòng, đơn vị                  |
| 2         | Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.                                                 | 80%            | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                                       | Các phòng, đơn vị                  |
| 3         | Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.                    | 95%            | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                                       | Các phòng, đơn vị                  |
| 5         | Tỷ lệ Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng dân số.                                                        | 90%            | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                                       | Các phòng, đơn vị                  |
| 6         | Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã                                                                      | 90%            | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                                       | Các phòng, đơn vị                  |
| 7         | Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.                                                     | 95%            | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                                       | Các phòng, đơn vị                  |
| 8         | Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.                | 100%           | Phòng Văn hóa - Xã hội xã                                       | Các phòng, đơn vị                  |